

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;

Ngày 22/09/2017 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017, trong đó công ty đại chúng phải tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư số 95/2017/TT-BTC để xây dựng Điều lệ công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Thông tư 95/2017/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 06/11/2017.

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn là công ty đại chúng quy mô lớn đã đăng ký giao dịch UpCom trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, để tuân thủ các quy định trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua việc sửa đổi Điều lệ theo tài liệu đính kèm. Bản Điều lệ sửa đổi nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên vào ngày 26/04/2018 sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế bản Điều lệ hiện hành được thông qua vào ngày 12/05/2016.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT, BKS
- BTGD
- Lưu P.TC-HC, P.TV-PC



DỰ THẢO (NGÀY 06-4-2018)

**BẢNG TỔNG HỢP GÓP Ý SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI
DUNG CHÍNH ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO
THÔNG SÀI GÒN**
(Tài liệu trình ĐHĐCĐ)

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 1. Định nghĩa Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 05 của Điều lệ này. g. "Cổ đông ưu đãi" là cổ đông sở hữu ít nhất một hay một số cổ phần ưu đãi cổ tức hay cổ phần ưu đãi hoàn lại của Công ty. l. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Chưa có m. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: ix. Chưa có n. "Công ty con" là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật mà Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sài Gòn nắm giữ <u>toàn bộ vốn điều lệ, phần vốn góp hoặc cổ phần chi phối.</u>	Điều 1. Định nghĩa Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" công ty là <u>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và ghi trong điều lệ công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này:</u> g. "Cổ đông ưu đãi" là cổ đông sở hữu ít nhất một hay một số cổ phần ưu đãi của Công ty. l. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành. m. "Người điều hành doanh nghiệp" là <u>Tổng Giám đốc điều hành, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.</u> n. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: ix. "Cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán o. "Công ty con" là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật mà Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sài Gòn nắm giữ <u>trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; hoặc là doanh nghiệp mà Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sài Gòn có quyền: (i) trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng</u>	<i>Khoản 1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp năm 2014 ("LDN 2014").</i> <i>Khoản 2 Điều 113 Luật Doanh nghiệp năm 2014 ("LDN 2014").</i> <i>Khoản 18 Điều 4 LDN 2014.</i> <i>Khoản 4 Điều 52 Luật kế toán.</i> <i>Bổ sung phù hợp Khoản 9 Điều 2 NĐ 71/2017/NĐ-CP.</i> <i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 189 LDN 2014.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Chưa có	<u>quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; hoặc (ii) quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 2 NĐ 71/2017/NĐ-CP</i>
Chưa có	<u>s. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</u> <u>t. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điểm c Khoản 1 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
<u>Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty</u> l. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: <u>n. Chưa có</u> <u>o. Chưa có</u> <u>p. Chưa có</u>	<u>Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty</u> 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: <u>n. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kinh doanh kho bãi, dịch vụ rửa xe.</u> <u>o. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.</u> <u>p. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án, thí nghiệm công trình.</u>	<i>Bổ sung phù hợp với thực tế.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<u>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</u> 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	<u>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</u> 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <u>ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</u> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 5 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
<u>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</u> 1. Vốn điều lệ của Công ty là 280.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 28.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần. 2. Công ty có thể <u>tăng</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	<u>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</u> 1. Vốn điều lệ của Công ty là 284.997.640.000 đồng (Hai trăm tám mươi tư tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 28.499.764 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần. 2. Công ty có thể <u>thay đổi</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	<i>Sửa đổi phù hợp với việc tăng vốn Điều lệ năm 2017.</i> <i>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
<u>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</u> 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	<u>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</u> 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <u>Khoản 1 Điều 120</u> của Luật Doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC để giải thích cho rõ</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<u>Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần</u> 3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	<u>Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần</u> 3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán <u>và các quyền lợi liên quan khác theo quy định pháp luật (nếu có).</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điều 9 TT 95/2017/TT-BTC.</i>
<u>Điều 16. Quyền của cổ đông</u> 2. <u>Người nắm giữ cổ phần</u> phổ thông có các quyền sau: đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông <u>trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>số cổ phần góp vốn</u> vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho <u>chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác</u> của Công ty theo quy định của pháp luật; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <u>Khoản 2 Điều 29 và Khoản 5 Điều 38 Điều lệ này;</u> b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114	<u>Điều 16. Quyền của cổ đông</u> 2. <u>Cổ đông</u> phổ thông có các quyền sau: đ. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty</u> sau khi Công ty đã thanh toán các <u>khoản nợ (bao gồm các nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho cổ đông nắm giữ các cổ phần ưu đãi khác</u> của công ty theo quy định của pháp luật; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <u>Khoản 2 Điều 29 và Khoản 1 Điều 40 Điều lệ này</u> b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm e Khoản 2 Điều 12 TT 95/2017/TT-BTC. Khoản 3 Điều 137 Luật Doanh nghiệp</i> <i>Sửa đổi phù hợp Điểm h Khoản 2 Điều 12 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi tham chiếu điều khoản phù hợp</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
và <u>Khoản 3</u> Điều 136 Luật Doanh nghiệp: c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự <u>và bỏ phiếu</u> tại Đại hội đồng cổ đông. d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; 4. Cổ đông là người lao động có cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa <u>và nắm giữ cổ phần ưu đãi</u> có các quyền sau: a. Có đầy đủ các quyền như cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông. Tuy nhiên không được phép tự do chuyển nhượng trong thời gian cam kết. b. Cổ phần <u>ưu đãi</u> được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết. c. Trường hợp công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc trước thời hạn đã cam kết thì <u>số cổ phần ưu đãi</u> sẽ được chuyển đổi thành	114 và <u>Khoản 6</u> Điều 136 Luật Doanh nghiệp: c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự <u>và biểu quyết</u> tại Đại hội đồng cổ đông. d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú; quốc tịch; <u>số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ trụ sở chính</u>; số quyết định thành lập <u>hoặc mã số doanh nghiệp</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; 4. Cổ đông là người lao động có cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa <u>và nắm giữ cổ phần bán với ưu đãi</u> có các quyền sau: d. Có đầy đủ các quyền như cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông. <u>Tuy nhiên</u> không được phép tự do chuyển nhượng trong thời gian cam kết. e. Cổ phần <u>bán với giá ưu đãi</u> được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết. f. Trường hợp công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc trước thời hạn đã cam kết thì <u>số cổ phần bán với giá ưu đãi</u> sẽ được	với <i>LDN 2014</i>. <i>Sửa đổi phù hợp Điểm c Khoản 3 Điều 12 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp Điểm d Khoản 3 Điều 12 TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty có trách nhiệm mua lại với cách tính giá quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.	chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty có trách nhiệm mua lại với cách tính giá quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<u>Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông</u> Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông 7. Chưa có.	<u>Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông</u> Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <u>hoặc thực hiện biểu quyết từ xa (họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử).</u> Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông 7. <u>Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều này, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:</u> a. <u>Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u> b. <u>Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</i> <i>Bổ sung phù hợp Điều 5 ND 71/2017/ND-CP.</i>
<u>Điều 18. Đại hội đồng cổ đông</u> 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.	<u>Điều 18. Đại hội đồng cổ đông</u> 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trong yếu, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để giải thích các nội dung liên quan.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. <u>Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u> c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc <u>ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</u> d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, <u>trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</u> 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. <u>Báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u> c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc <u>số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với tổng số thành viên quy định tại Điều lệ;</u> d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản <u>và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</u> 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường : a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>trong thời hạn sáu mươi (60) ngày</u> kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>Kiểm soát viên</u> còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm b Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Điểm a Khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
<u>Điều 19. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên	<u>Điều 19. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: m. Quyết định các dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;	có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 136 LDN 2014.</i>
<u>Điều 20. Các đại diện được ủy quyền</u> 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;	<u>Điều 20. Đại diện theo ủy quyền</u> 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm b Khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
<u>Điều 21. Thay đổi các quyền</u> 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng	<u>Điều 21. Thay đổi các quyền</u> <u>Những nội dung liên quan đến thay đổi các quyền gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.</u>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <u>Điều 21</u> và <u>Điều</u> <u>23</u> Điều lệ này.		

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<u>Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 <u>Điều 17</u> Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn 05 ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty niêm yết), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp	<u>Điều 22. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 <u>Điều 18</u> Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn 10 ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <u>bằng phương thức bảo đảm</u>, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (<u>đối với Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch</u>), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 139 LDN 2014, Khoản 3 Điều 18 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi để đảm bảo</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
cận. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan <u>đến Khoản 4 Điều 22</u> trong các trường hợp sau: 7. <u>Hội đồng quản trị</u> phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan <u>đến Khoản 4 Điều này</u> trong các trường hợp sau: 7. <u>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải</u> chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	<i>dẫn chiếu không bị nhảy Điều khoản khi có sự thay đổi thứ tự điều khoản.</i> <i>Khoản 7 Điều 136 LDN 2014, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự <u>không bị ảnh hưởng</u>. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. 6. Khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa đại hội có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đến một thời điểm khác hay thay đổi địa điểm họp trong	Điều 24 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1. <u>Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. 3. Giữ nguyên Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự <u>không thay đổi</u>. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp <u>theo nguyên tắc đa số</u>. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. 6. Khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa đại hội có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đến một thời điểm khác hay thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 20 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Khoản 6 Điều 142 Luật Doanh nghiệp</i> <i>Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 20 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Khoản 6 Điều 142 Luật Doanh nghiệp</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
các trường hợp sau: c. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Trường hợp Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu một người khác trong số những người dự họp thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc 7. Chủ tọa của đại hội <u>hoặc Thư ký đại hội</u> có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. 8. <u>Hội đồng quản trị</u> có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <u>Hội đồng quản trị</u> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội. 9. <u>Hội đồng quản trị</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại	c. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Trường hợp Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu một người khác trong số những người dự họp thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc <u>và tất cả các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</u> 7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. 8. <u>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u> có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <u>người triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội. 9. <u>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 9 Điều 142 LDN 2014.</i> <i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 20 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp với quy định về người có thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ: không chỉ là HĐQT mà còn có thể là BKS, cổ đông lớn.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. <u>Hội đồng quản trị</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu <u>Hội đồng quản trị</u> thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. <u>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành Chưa có 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này. 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành f. <u>Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u> g. <u>Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.</u> 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi có ít nhất 51% <u>tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ</u>, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này. 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số <u>cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, trừ các nội dung quy định tại khoản 1 điều này.</u>	<i>Điều 21 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Điều 144 LDN 2014.</i> <i>Bổ sung phù hợp Điểm c Khoản 1 Điều 21 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 144 LDN 2014.</i> <i>Ghi lại cho rõ và phù hợp với Khoản 1 Điều 21 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Khoản 4 Điều 144 Luật doanh nghiệp. Khoản 9 Điều 22 Thông tư 95.</i>
Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết	Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>quyết định</u>. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo <u>ngợi quyết</u> và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; 4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây: a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy	định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>ngợi quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <u>ngợi quyết</u>. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo <u>ngợi quyết</u> và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số căn cước công dân hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; <u>tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; 4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây: a. Gửi thư. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 22 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp với Điểm c Khoản 3 Điều 22 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 22 TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	<u>tổ chức được ủy quyền.</u> 5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là <u>người điều hành doanh nghiệp</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, <u>phương thức gửi phiếu biểu quyết</u> kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	<i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 22 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp với Điểm c Khoản 6 Điều 22 TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư	<i>Bổ sung cho phù hợp phù hợp với Điều 23 TT 95/2017/TT-BTC; Điều 146 LDN 2014.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp và khoản 8 Điều 25 Điều lệ này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <u>Chưa có</u>	Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp và <u>khoản 7 Điều 25 Điều lệ này;</u> 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 24 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp; Khoản 2 Điều 24 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
Chưa có	Điều 29. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản	<i>Bổ sung phù hợp Điều 11 NĐ 71/2017/NĐ-CP, Điều 25 TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử	<i>Chuyển lên từ Khoản 2 Điều 29 Điều lệ cũ.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	tối đa tám (08) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	<i>Chuyển lên từ Khoản 3 Điều 29 Điều lệ cũ.</i>
Điều 29. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức	<u>Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</u> 2. Chuyển lên Điều 29. 3. Chuyển lên Điều 29.	<i>Sửa đổi phù hợp với Điều 26 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC;</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: d. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. 6. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: Chưa có 10 Nghĩa vụ thành viên Hội đồng quản trị: b. Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung của phiên họp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về ý kiến của mình và về việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công trực tiếp đảm nhận. Chưa có	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: d. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác <u>nhưng không quá 05 Công ty.</u> 6. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: h. <u>Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u> i. <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u> j. <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u> 10. Quyền và nghĩa vụ thành viên Hội đồng quản trị: b. Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, thảo luận, <u>có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận,</u> biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung của phiên họp và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về ý kiến của mình và về việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công trực tiếp đảm nhận. f. <u>Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</u> g. <u>Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng</u>	<i>Khoản 1 Điều 151 LDN 2014.</i> <i>Điều 12 NĐ 71/2017/NĐ-CP.</i> <i>Bổ sung phù hợp Điểm c, f, g Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Điểm b Khoản 2 Điều 14 NĐ 71/2017/NĐ-CP.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<u>quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;</u> <u>h. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</u> <u>i. Có quyền yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp các thông tin tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty. Thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định tại Quy chế quản trị nội bộ.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điểm a, c, d Khoản 2 Điều 14 NĐ 71/2017/NĐ-CP.</i>
<u>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</u> 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: h. Thông qua hợp đồng kinh doanh, thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>10% (mười phần trăm)</u> tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trừ các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 42 của Điều lệ này; l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, và <u>cán bộ quản lý khác</u> của Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những cán bộ quản lý đó; cử	<u>Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</u> 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: h. Thông qua hợp đồng kinh doanh, thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20% (hai mươi phần trăm)</u> tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trừ các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng quy định tại điểm m <u>Khoản 2 Điều 19</u> và <u>Khoản 1 Điều 46</u> của Điều lệ này l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; <u>bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương và quyền lợi</u>	<i>Khoản 1 Điều 149 LDN 2014.</i> <i>Sửa theo Nghị quyết HĐQT số 23/NQ-HQĐT ngày 30/6/2017 của GTS, tham chiếu Điểm h Khoản 2 Điều 149 LDN 2014.</i> <i>Sửa đổi phù hợp Điểm c Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; o. Chưa có q. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông; Chưa có t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 3. Chưa có	khác của những người điều hành doanh nghiệp đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; <u>o. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u> q.Trình báo cáo tài chính hằng năm <u>đã được kiểm toán, báo cáo của Hội đồng quản trị</u> lên Đại hội đồng cổ đông; <u>t. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</u> <u>u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</u> v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. <u>3. Những vấn đề phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</u> a. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; b. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm h Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC;</i> <i>Sửa đổi phù hợp Điểm n Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Điểm l, o Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Điểm e, j Khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
Chưa có.	<u>Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao và mức thù lao của từng	<i>Bổ sung phù hợp Điều 28 TT 95/2017/TT-BTC; Khoản 3 Điều 158 LDN 2014.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm. 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị; 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. g. Chưa có	Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: f. <u>Bảo đảm việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u> g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty.	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 29 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, ... cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; 9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có <u>từ ba</u> phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 12. Chưa có	Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp <u>định kỳ</u> và bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, ... cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) <u>người điều hành doanh nghiệp</u>; 9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có <u>ít nhất</u> ba phần tư tổng số thành viên có mặt trực tiếp <u>hoặc thông qua người đại diện (được ủy quyền) của thành viên nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</u>. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 12. <u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội</u>	<i>Khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Khoản 9 Điều 30 Thông tư 95</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
13. Chưa có	<u>đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u> <u>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u> <u>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</u> <u>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</u> <u>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u> <u>13. Biểu quyết</u> <u>a. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</u> <u>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc</u>	<i>Khoản 11 Điều 30 Thông tư 95</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	hop Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ toạ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 47 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó; e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.	Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.	<i>Điều 33 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>
Điều 34. Cán bộ quản lý 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>cán bộ quản lý</u> cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời	Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>người điều hành khác</u> cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 34 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC về việc thay đổi khái niệm "cán bộ quản lý" thành "người điều hành doanh</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
điểm. <u>Cán bộ quản lý</u> phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <u>cán bộ quản lý khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.	điểm. <u>Người điều hành doanh nghiệp</u> phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <u>người điều hành khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.	ngành”.

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành 3. Tổng Giám đốc phải có những tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: e. Tổng giám đốc không được đồng thời làm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, hay chức danh quản lý, điều hành của bất kỳ doanh nghiệp nào khác. g. Tổng giám đốc không kiêm nhiệm chức danh quản lý tại các công ty con hoặc các đơn vị trực thuộc công ty. 4. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau: b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị; e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả <u>người quản lý</u> thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; h. Kiến nghị số lượng và các <u>loại cán bộ quản lý</u> mà Công ty cần tuyển dụng ... <u>quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý</u>; j. Quyết định các hợp đồng kinh doanh,	Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành 3. Giữ nguyên. Bỏ Bỏ 4. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau: b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị; <u>bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.</u> e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty; h. Kiến nghị số lượng và <u>người điều hành doanh nghiệp</u> mà Công ty cần tuyển dụng ...<u>kiến nghị</u> mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của <u>người điều hành doanh nghiệp</u>;	<i>Phù hợp với Khoản 2 Điều 157 LDN 2014; Khoản 1,2 Điều 65 LDN 2014.</i> <i>Khoản 3 Điều 157 LDN 2014. Điểm b Khoản 3 Điều 35 TT 95/2017/TT-BTC</i> <i>Sửa đổi phù hợp Điều 35 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC về việc thay đổi khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành doanh nghiệp”.</i> <i>Nghị quyết HĐQT</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn <u>10%</u> (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trừ các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng quy định tại Điều 42.1 của Điều lệ này; m. Chuẩn bị các bản dự toán <u>dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán)</u> phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và <u>báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến</u>) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty; 5. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo <u>các cơ quan này</u> khi được yêu cầu. 8. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: <u>d. Theo Quyết định của Hội đồng quản trị, kể cả khi Tổng Giám đốc chưa hết nhiệm kỳ, do Tổng Giám đốc thiếu trách nhiệm, hay không hoàn thành chỉ</u>	j. Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn <u>20%</u> (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trừ các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng quy định tại Điều 42.1 của Điều lệ này; m. Chuẩn bị các bản dự toán <u>hàng năm</u> phục vụ hoạt động quản lý hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cho năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty; 5. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo <u>các cấp này</u> khi được yêu cầu. 8. Chuyển Khoản 8 xuống điểm d Khoản 9. 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau: <u>d. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có</u>	số <u>23/NQ-HĐQT</u> ngày <u>30/6/2017</u> của <u>GTS</u>. <i>Cơ cấu lại nội dung khoản 8,9 Điều 37 Điều lệ công ty.</i> <i>Sửa đổi phù hợp với khoản 8 Điều 37 Điều lệ công ty.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<u>tiêu, nhiệm vụ kinh doanh và các yêu cầu khác về công tác quản trị của Công ty, hoặc vi phạm các nguyên tắc về quản lý tài chính, vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty:</u>	<u>quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.</u>	
<u>Điều 36.</u> Thư ký Công ty Chưa có	<u>Điều 38.</u> Thư ký Hội đồng quản trị công ty 6. <u>Bảo mật các thông tin theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.</u> 7. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại văn bản nội bộ của Công ty.</u>	<i>Điểm e Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Chưa có	<u>Điều 40. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</u> 1. Việc ứng cử, đề cử KSV được thực hiện tương tự quy định tại Điều 30 Điều lệ này và quy định sau đây: Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.	<i>Bổ sung phù hợp Điều 19 NĐ 71/2017/NĐ-CP, Điều 36 TT 95/2017/TT-BTC. Chuyển lên từ Khoản 5 Điều 38 Điều lệ cũ.</i> <i>Chuyển lên từ Khoản 6 Điều 38 Điều lệ cũ.</i>
<u>Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát</u> 4. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: f. Chưa có. g. Chưa có. 5. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu	<u>Điều 41. Kiểm soát viên</u> 4. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: f. <u>Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u> g. <u>Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</u> 5. Chuyển lên <u>Điều 40</u> về “Ứng cử đề cử Kiểm soát viên”	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Khoản 2 Điều 20 NĐ 71/2017/NĐ-CP.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. 6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	6. Chuyển lên <u>Điều 40</u> về “Ứng cử đề cử Kiểm soát viên”	
<u>Điều 39.</u> Ban kiểm soát 1. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: Chưa có	<u>Điều 42.</u> Ban kiểm soát 1. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: m. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; n. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; o. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng	<i>Điều 165 LDN 2014. Bổ sung phù hợp Điều 22 ND 71/2017/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 38 TT 95/2017/TT-BTC</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông; p. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; q. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau: Trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d5 điểm d khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau: 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; 3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty; 4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các người điều hành doanh nghiệp khác; 5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các cổ đông. r. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Chưa có	Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiêu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty	<i>Bổ sung phù hợp Điều 39 TT 95/2017/TT-BTC.</i>
Điều 40. Công khai các lợi ích liên quan 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty; 4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và <u>cán bộ quản lý khác</u> có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;	Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, <u>Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán</u> và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty; 4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và <u>người điều hành</u> có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;	<i>Điều 159 LDN 2014.</i> <i>Sửa đổi phù hợp với quy định về người có liên quan theo quy định tại Khoản 9 Điều 2 NĐ 71/2017/NĐ-CP.</i>
Điều 41. Trách nhiệm của người quản lý Công ty 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và <u>người quản lý khác</u> có trách nhiệm sau đây: d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.	Điều 45. Trách nhiệm của người quản lý Công ty, người điều hành. 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và <u>người điều hành</u> có trách nhiệm sau đây: d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty; <u>thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi</u>	<i>Điều 160 LDN 2014.</i> <i>Bổ sung phù hợp với Khoản 3 Điều 40 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.	<u>ích của công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u> 2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	
Điều 42. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. Chưa có	Điều 46. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó. Hợp đồng, giao dịch không bị vô hiệu trong trường hợp hợp đồng, giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHCĐ thông qua	<i>Bổ sung phù hợp Điểm c Khoản 5 Điều 40 TT 95/2017/TT-BTC.</i>
Chưa có	Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là	<i>Bổ sung phù hợp Điều 41 Thông tư 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. 3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình. 4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 48. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 42 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 <u>Điều 15</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và <u>cán bộ quản lý khác</u> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 <u>Điều 16</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và <u>người điều hành</u> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ được phân công của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	
<u>Điều 44. Công nhân viên và công đoàn</u> 1. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc <u>tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</u>	<u>Điều 49. Người lao động và công đoàn</u> 1. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến người lao động bao gồm: <u>kế hoạch lao động quỹ tiền lương, phúc lợi, khen thưởng đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</u>	<i>Khoản 1 Điều 43 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 49 Điều lệ này</u>, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và <u>cơ quan đăng ký kinh doanh</u>. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, <u>bảng cân đối kế toán</u> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty. 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của	Điều 54. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 56 Điều lệ này</u>, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và <u>cơ quan có thẩm quyền theo quy định</u>. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, <u>báo cáo tình hình tài chính</u> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng <u>đã soát xét</u> và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp. 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng <u>được soát xét</u> và báo cáo tài chính quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty. 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng <u>được soát xét</u> và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 48 TT 95/2017/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Khoản 3, 4, 5 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC; Điểm b Khoản 2 Điều 11 TT 155/2015/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
Điều 54. Hình thức pháp lý của Công ty con 1. Công ty con được thành lập theo một trong các hình thức sau: b. Công ty sở hữu vốn góp chi phối hay cổ phần chi phối vốn điều lệ của Công ty con. Trong trường hợp này, hình thức pháp lý của Công ty con là <u>Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</u> hoặc công ty cổ phần.	Điều 59. Hình thức pháp lý của Công ty con 1. Công ty con được thành lập theo một trong các hình thức sau: b. Công ty sở hữu vốn góp chi phối hay cổ phần chi phối vốn điều lệ của Công ty con. Trong trường hợp này, hình thức pháp lý của Công ty con là <u>Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</u> hoặc công ty cổ phần.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 47 LDN 2014.</i>
Điều 58. Thanh lý 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;	Điều 63. Thanh lý 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: b. Tiền lương, <u>trợ cấp thôi việc</u> , chi phí bảo <u>hiểm</u> và các quyền lợi khác cho <u>người lao động</u> theo thỏa ước lao động tập thể và <u>hợp đồng lao động đã ký kết</u> ;	<i>Bổ sung phù hợp Điểm b Khoản 3 Điều 54 Điều lệ mẫu TT 95/21017/TT-BTC.</i>
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại <u>Điều lệ Công ty</u> , Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa: b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên	Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, <u>Điều lệ Công ty</u> , các quy định giữa: b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay <u>người điều hành</u> . Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày <u>các thông tin</u> liên quan đến	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 95/2017/TT-BTC.</i>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
trình bày các <u>yếu tố thực tiễn</u> liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là <u>trong tài</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp. 3. Các bên tự chịu chi phí <u>của mình</u> có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án	tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là <u>trung gian hòa giải</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp. 3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án	
<u>Điều 61. Ngày hiệu lực</u> 1. Bản Điều lệ này gồm 9 chương <u>61</u> <u>điều</u> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn nhất trí thông qua <u>ngày 14 tháng 4 năm 2016</u> tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>thành lập</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	<u>Điều 66. Ngày hiệu lực</u> 1. Bản Điều lệ này gồm 9 chương <u>66</u> <u>điều</u> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn nhất trí thông qua <u>ngày 26 tháng 04 năm 2018</u> tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	<i>Thay đổi phù hợp với việc bổ sung các điều khoản trong Điều lệ Công ty.</i>